

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố, công khai điều chỉnh giảm 10% dự toán ngân sách nhà nước năm 2026

VIỆN TRƯỞNG VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN TP HẢI PHÒNG

Căn cứ Luật tổ chức Viện kiểm sát nhân dân số 63/2014/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 82/2025/QH15;

Căn cứ Luật ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15 ngày 25/6/2025 và các văn bản hướng dẫn thực hiện;

Căn cứ Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 26/2026/TT-BTC ngày 25 tháng 3 năm 2026 của Bộ Tài chính Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 39/QĐ-VKSHP ngày 23 tháng 3 năm 2026 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng về việc điều chỉnh giảm 10% dự toán ngân sách nhà nước năm 2026;

Xét đề nghị của Chánh văn phòng và kế toán trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố, công khai số liệu điều chỉnh giảm 10% dự toán ngân sách nhà nước giao đầu năm để bổ sung nguồn chi an sinh xã hội theo quy định tại Nghị quyết 245/2025/QH15 ngày 13/11/2025 của Quốc hội và Quyết định số 2638/QĐ-TTg ngày 3/12/2025 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao dự toán NSNN năm 2026 cho các đơn vị sử dụng ngân sách trực thuộc Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng (theo phụ lục đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng, Kế toán trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. / *kl*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- C3 -VKSTC (để báo cáo);
- Viện trưởng VKSND TP (để báo cáo);
- Trang tin điện tử VKSND TP (để đăng tin);
- Lưu: VT, Kế toán.



**KT. VIỆN TRƯỞNG
PHÓ VIỆN TRƯỞNG**

Nguyễn Mạnh Vỹ

Số: 503/BC-VKSHP

Hải Phòng, ngày 06 tháng 4 năm 2026

BÁO CÁO

Về tình hình thực hiện công bố, công khai điều chỉnh giảm 10% dự toán ngân sách nhà nước năm 2026

Kính gửi: Viện kiểm sát nhân dân tối cao (Cục 3)

Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng báo cáo tình hình thực hiện công khai dự toán ngân sách nhà nước năm 2026 theo Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước; Thông tư số 26/2026/TT-BTC ngày 25 tháng 3 năm 2026 của Bộ Tài chính Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước.

I. Tình hình công khai ngân sách tại các đơn vị thuộc, trực thuộc:

- Số đơn vị chưa công khai ngân sách: Không có
- Số đơn vị thực hiện công khai ngân sách: 14/14 đơn vị

STT	Tên đơn vị	Đơn vị đã thực hiện công khai ngân sách					
		Nội dung		Hình thức		Thời gian	
		Đúng nội dung	Chưa đúng nội dung	Đúng hình thức	Chưa đúng hình thức	Đúng thời gian	Chưa đúng thời gian
1	VKSND TP Hải Phòng	x		x		x	
2	VKSND Khu vực 1	x		x		x	
3	VKSND Khu vực 2	x		x		x	
4	VKSND Khu vực 3	x		x		x	
5	VKSND Khu vực 4	x		x		x	
6	VKSND Khu vực 5	x		x		x	
7	VKSND Khu vực 6	x		x		x	

2

8	VKSND Khu vực 7	x		x		x	
9	VKSND Khu vực 8	x		x		x	
10	VKSND Khu vực 9	x		x		x	
11	VKSND Khu vực 10	x		x		x	
12	VKSND Khu vực 11	x		x		x	
13	VKSND Khu vực 12	x		x		x	
14	VKSND Khu vực 13	x		x		x	

Nơi nhận: *ll*

- Như kính gửi;
- Viện trưởng VKSND TP (để báo cáo);
- Trang tin điện tử VKSND TP (để đăng tin);
- Lưu: VT, kế toán.

**KT. VIỆN TRƯỞNG
PHÓ VIỆN TRƯỞNG**



Nguyễn Mạnh Vỹ

Đơn vị: Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng
Chương: 004

BẢNG TỔNG HỢP ĐIỀU CHỈNH GIẢM 10% DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2026

(Kèm theo Quyết định số 43/QĐ-VKSHP ngày 06/4/2026 của Viện trưởng VKSND TP Hải Phòng)

Số TT	Nội dung	Tổng số dự toán điều chỉnh	Dự toán được điều chỉnh	Văn phòng VKSND TP	Khu vực 1	Khu vực 2	Khu vực 3
1	2	3	4	5	6	7	8
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí						
I	Số thu phí, lệ phí						
1	Lệ phí						
2	Phí						
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại						
1	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề						
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên						
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên						
2	Chi quản lý hành chính						
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ						
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ						
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước						
1	Lệ phí						
2	Phí						
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước						
I	Nguồn ngân sách trong nước						
1	Chi quản lý hành chính	15.563.000.000	15.563.000.000	5.812.800.000	745.300.000	822.000.000	970.000.000
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	13.579.000.000	13.579.000.000	4.545.000.000	691.600.000	761.300.000	896.500.000
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	1.984.000.000	1.984.000.000	1.267.800.000	53.700.000	60.700.000	73.500.000
2	Chi sự nghiệp khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số						
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ						
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo cấp qua Quỹ phát triển khoa học công nghệ						
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo không cấp qua Quỹ phát triển khoa học công nghệ						

Số TT	Nội dung	Tổng số dự toán điều chỉnh	Dự toán được điều chỉnh	Văn phòng VKSND TP	Khu vực 1	Khu vực 2	Khu vực 3
2.2	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ						
2.3	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ						
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề						
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên						
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên						
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình						
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên						
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên						
5	Chi bảo đảm xã hội						
5.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên						
5.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên						
6	Chi hoạt động kinh tế						
6.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên						
6.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên						
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường						
7.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên						
7.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên						
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin						
8.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên						
8.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên						
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn						
9.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên						
9.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên						
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao						
10.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên						
10.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên						
II	Nguồn vốn viện trợ						
III	Nguồn vay nợ nước ngoài						

